Mở rộng từ vựng

手
shǒu

头
tóu

嘴
zuǐ

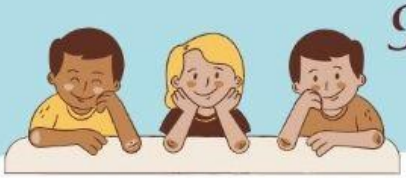

Tìm thêm từ ngữ về bộ phận cơ thể
(theo ảnh gợi ý)

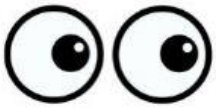

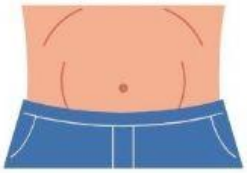

LIVEWORKSHEETS